

Chương 8: Kế toán nghiệp vụ nhập khẩu hàng hoá





Nội dung chương

1. Đặc điểm nghiệp vụ nhập khẩu
2. Yêu cầu và nhiệm vụ kế toán nghiệp vụ NK
3. Phương pháp kế toán nghiệp vụ NK trực tiếp
4. Phương pháp kế toán nghiệp vụ NK uỷ thác
5. Phương pháp kế toán nghiệp vụ tiêu thụ hàng NK

1. Đặc điểm nghiệp vụ nhập khẩu hàng hoá





Khái niệm

Nhập khẩu hàng hoá là quá trình mua hàng của các đơn vị, cá nhân nước ngoài thanh toán bằng ngoại tệ nhằm mục đích bán trong nước, tái xuất khẩu hoặc phục vụ nhu cầu SX trong nước.



Phạm vi hàng NK

- Hàng mua của nước ngoài bao gồm cả máy móc, thiết bị, tư liệu SX, hàng tiêu dùng và dịch vụ khác căn cứ vào những hợp đồng NK mà nước ta ký kết với các DN hay tổ chức kinh tế của nước ngoài
- Hàng nước ngoài đưa vào hội trợ triển lãm của nước ta sau đó bán lại cho các DN VN và thanh toán bằng ngoại tệ.



Phạm vi hàng NK

- Hàng hoá nước ngoài viện trợ cho nước ta trên cơ sở các hiệp định, nghị định thư giữa chính phủ VN với chính phủ các nước thực hiện thông qua các DN XNK
- *Hàng viện trợ nhân đạo phi CP, hàng NK vào khu chế xuất hay khu vực tự do TM (free trade zone) không được coi là hàng NK.*



Thời điểm xác định NK

Thời điểm được xác định là khi có sự chuyển quyền sở hữu về hàng hoá và tiền tệ.



Thời điểm xác định NK (tiếp)

- Nếu hàng NK vận chuyển bằng đường biển thì hàng NK được tính từ ngày hàng đến hải phận nước nhập, hải quan cảng biển đã ký xác nhận vào tờ khai hàng NK.
- Nếu hàng hoá vận chuyển bằng đường sắt hoặc đường bộ thì hàng NK được tính từ ngày hàng hoá đến ga, trạm biên giới nước NK theo xác nhận của hải quan cửa khẩu.
- Nếu hàng NK bằng đường hàng không thì hàng NK được tính từ ngày hàng đến sân bay đầu tiên của nước NK theo xác nhận của hải quan sân bay đã hoàn thành thủ tục



Giá trị ghi sổ hàng NK

- Giá trị ghi sổ:

GIÁ HÀNG NK	=	Giá mua hàng NK (quy định theo TGTT)	+	Thuế NK	+	C _đ CF kh _đ ph _đ sinh	-	C _đ kh _đ giảm giá mua (nếu có)
----------------------------	---	--	---	---------	---	---	---	--

- Lưu ý: Nếu hàng NK thuộc hàng chịu thuế TTĐB thì giá trị ghi sổ bao gồm cả thuế TTĐB

2. Nhiệm vụ và yêu cầu kế toán nghiệp vụ NK

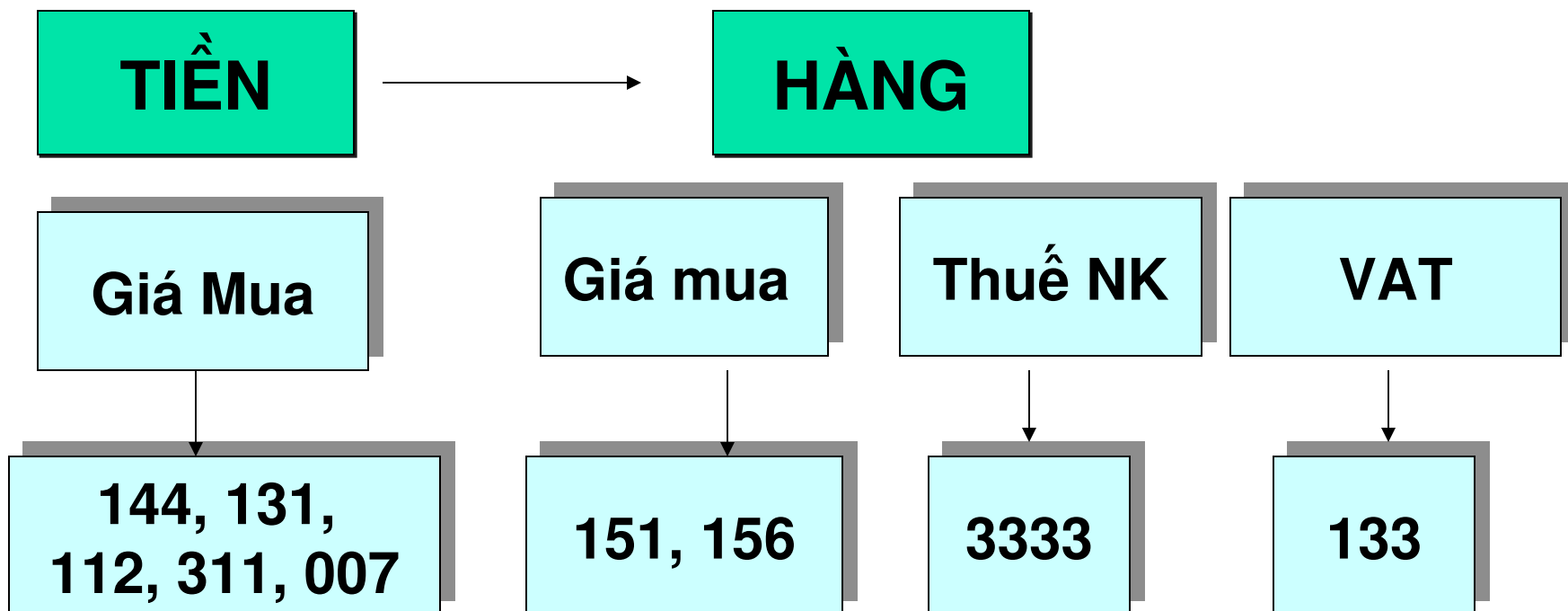
- Ghi chép, phản ánh, giám sát tình hình thực tiễn các chỉ tiêu kế hoạch lưu chuyển hàng hoá nhập khẩu, góp phần thúc đẩy nhanh tốc độ lưu chuyển hàng hoá, tăng vòng quay của vốn để giảm chi phí lưu thông, tăng hiệu quả kinh doanh.
- Thông qua việc ghi chép phản ánh để kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch nhập khẩu, kiểm tra việc bảo quản hàng hoá, dự trữ hàng hoá, thu chi ngân sách và tình hình thực hiện kế hoạch thu chi ngân sách...

3. Phương pháp kế toán nghiệp vụ NK trực tiếp

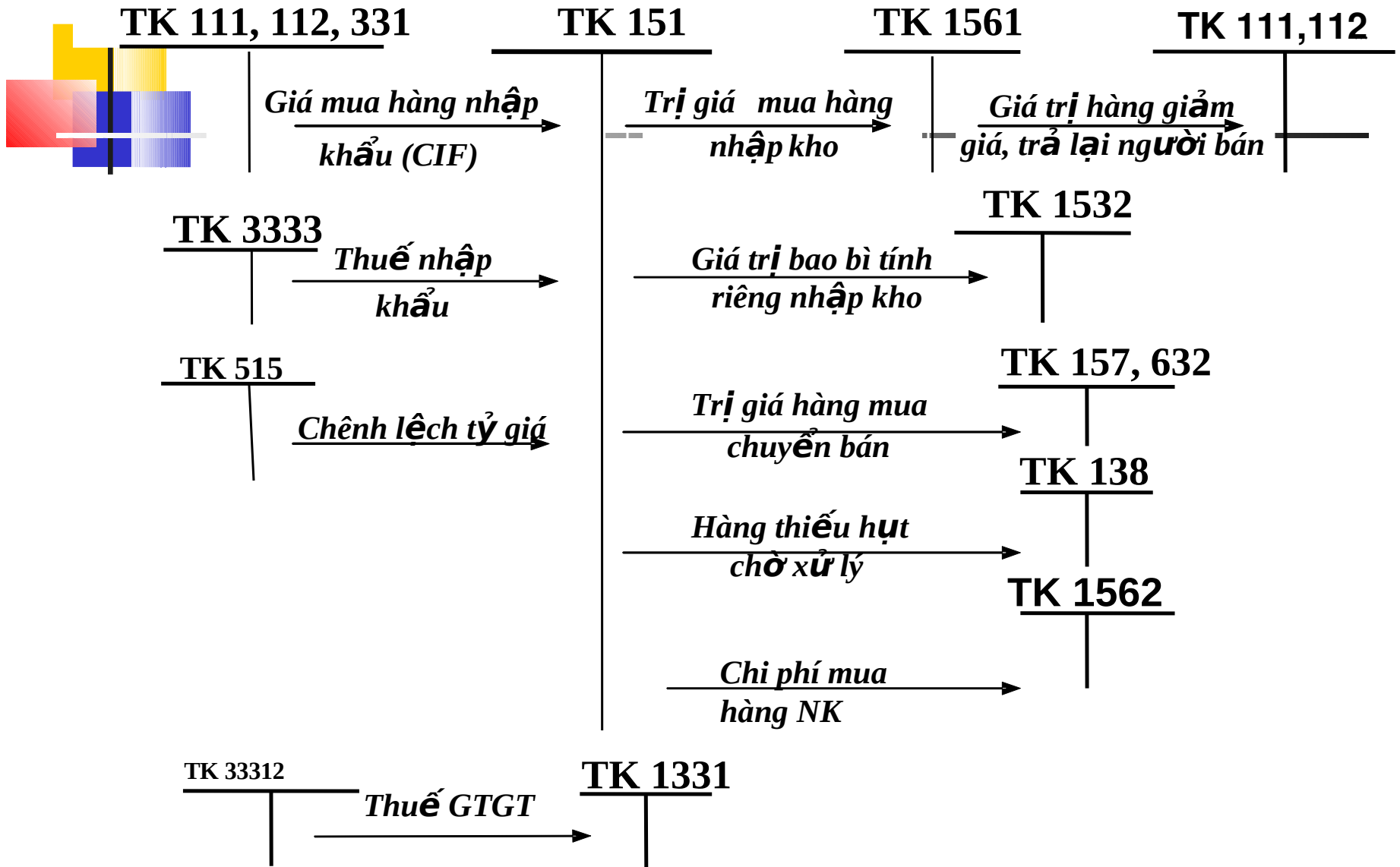




Tài khoản sử dụng



Sơ đồ kế toán nhập khẩu hàng hoá trực tiếp



4. Phương pháp kế toán

nghiệp vụ tiêu thụ hàng NK



Phương thức tiêu thụ hàng NK

- Bán buôn hàng hoá
- Bán lẻ hàng hoá
- Gửi đại lý bán
- Bán trả góp...



4.1 Tài khoản sử dụng

- **Doanh thu:**
- Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng”
- Tài khoản 521 “Chiết khấu bán hàng”
- Tài khoản 531 “Hàng bán bị trả lại”
- Tài khoản 532 “Giảm giá hàng bán”
- **Chi phí:**
- Tài khoản 632 “chi phí trị giá vốn”
- Tài khoản 641 “chi phí bán hàng”



4.1 Tài khoản sử dụng

- **Hàng hoá:**
- Tài khoản 156 “Hàng hoá”
- Tài khoản 157 “Hàng gửi đi bán”
- **Tiền- thanh toán**
- Tài khoản 131 “Phải thu của khách hàng”
- Tài khoản 111 “Tiền mặt”
- Tài khoản 112 “Tiền gửi ngân hàng”



4.2 Trình tự kế toán nghiệp vụ tiêu thụ

➤ **Khi xuất hàng giao cho bên mua, ghi:**

+ Giá vốn của hàng tiêu thụ

Nợ TK 632

Có TK 156 (1561)

+ Doanh thu hàng tiêu thụ

Nợ TK liên quan (111,112,131) - Tổng giá thanh toán

Có TK 511,512 - DT

Có TK 3331 (33311) - Thuế GTGT đầu ra



4.2 Trình tự kế toán nghiệp vụ tiêu thụ

- **Khi phát sinh các khoản giảm giá hàng bán, chiết khấu bán hàng, kế toán ghi:**
 - Nợ TK 532, 521 - Giảm giá hàng bán, CKBH*
 - Nợ TK 3331 (33311) - Thuế GTGT tương ứng*
 - Có TK liên quan (111, 112, 131...) -*
Tổng số giảm giá trả cho khách hàng
- **Khi cho khách hàng hưởng CK thanh toán:**
 - Nợ TK 635 – CF tài chính*
 - Có TK 111, 112, 131- số tiền CK KH được hưởng*

4.2 Trình tự kế toán nghiệp vụ tiêu thụ

➤ **Khi hàng đã bán bị trả lại, kế toán phản ánh:**

+ Doanh thu hàng bán bị trả lại

Nợ TK 531 - Doanh thu hàng bán bị trả lại

*Nợ TK 3331 (33311) - Thuế GTGT tương ứng với
số DT bị trả lại*

*Có TK liên quan (111,112,131) - Tổng số
DT bán hàng bị trả lại cho KH)*

+ Giá vốn hàng bán bị trả lại

Nợ TK 1561

Có TK 632



4.2 Trình tự kế toán nghiệp vụ tiêu thụ

➤ ***Bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp:***

Khi bán hàng trả chậm, trả góp:

Nợ TK 111, 112, 131:

Có TK 511- DTBH (Theo giá bán trả ngay chưa có thuế

GTGT)

Có TK 3387 - chênh lệch giữa giá bán trả chậm, trả góp và giá bán trả ngay chưa có thuế GTGT)

Có TK 3331 -Thuế GTGT



4.2 Trình tự kế toán nghiệp vụ tiêu thụ

➤ ***Bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp:***

- Hàng kỳ, tính, xác định và kết chuyển tiền lãi bán hàng trả chậm, trả góp trong kỳ, ghi:

Nợ TK 3387 - Doanh thu chưa thực hiện

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính.

- Khi thực thu tiền bán hàng trả chậm, trả góp trong đó gồm cả phần chênh lệch giữa giá bán trả chậm, trả góp và giá bán trả ngay, ghi:

Nợ TK 111, 112

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

Sơ đồ: Sơ đồ kế toán tiêu thụ hàng hoá

